

HIẾN PHÁP 1946 - SỰ HIỆN THỰC HOÁ CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

• Lê Văn Thuật^(*)

Tóm tắt

Ngày 9/11/1946, Quốc hội đã chính thức biểu quyết thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bản Hiến pháp đã dành sự quan tâm đặc biệt đến việc bảo đảm các quyền cơ bản của con người không phân biệt nòi giống, giai cấp, tôn giáo, giàu nghèo, gái trai... đều được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật. Bài báo tập trung phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền tự do dân chủ và những tư tưởng đó của Người được hiện thực hoá trong Hiến pháp 1946, từ đó rút ra những giá trị về quyền tự do dân chủ trong Hiến pháp 1946 đối với thực tiễn xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Từ khoá: Hiến pháp 1946, Hồ Chí Minh, quyền tự do dân chủ.

1. Đặt vấn đề

Quyền tự do dân chủ là một giá trị cao quý, là thành quả đấu tranh của con người. Xây dựng một xã hội trong đó mọi người đều được thụ hưởng đầy đủ quyền tự do dân chủ là mục tiêu của cuộc cách mạng do các chính đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, là một tấm gương sáng ngời về lòng tận tụy vì dân, vì nước. Người đã hiến dâng cả cuộc đời cho mục đích đấu tranh vì quyền tự do dân chủ của con người, vì quyền lợi của nhân dân và dân tộc Việt Nam cũng như của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Với việc đọc bản “Tuyên ngôn độc lập” (2/9/1945) và sự ra đời của bản Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (9/11/1946) cho thấy tư tưởng về quyền tự do dân chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được hiện thực hoá.

2. Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền tự do dân chủ

Trong “Nhật ký trong tù” Hồ Chí Minh viết:

“Trên đời ngàn vạn điều cay đắng

Cay đắng chỉ bằng mất tự do”

“Tự do tức là có thể làm bất cứ điều gì không hại đến người khác” [7, tr. 6]. Theo đó, tự do là vốn quý và là quyền tự nhiên của loài người, dùng để phát triển các phương diện kinh tế, chính trị và văn hóa của xã hội loài người. Một dân tộc mà không có quyền tự do thì dân tộc ấy phải chịu cảnh ngu hèn, phải kếm còi, phải chịu mất nước, mất nòi. Bởi vậy, tất cả các cuộc đấu tranh giai cấp của

những người nô lệ chống lại giai cấp chủ nô, giai cấp tư bản chống chế độ phong kiến, giai cấp vô sản chống chế độ tư bản, dân tộc bị đè nén chống lại dân tộc đi đè nén, đều là những cuộc đấu tranh để đòi quyền tự do sinh tồn và tự do phát triển cho xã hội loài người. Các quyền tự do dân chủ là điều kiện chung cho một dân tộc muốn sinh tồn, muốn phát triển, muốn tiến hóa, muốn giàu mạnh, đặc biệt là một dân tộc bị thống trị, lại càng cần thiết hơn nữa. Đối với dân tộc Việt Nam, kể từ khi thực dân Pháp xâm lược năm 1858, thì không chỉ đất nước mất đi quyền độc lập mà mọi người dân cũng đã mất đi quyền tự do.

Hồ Chí Minh lớn lên trong giai đoạn mà tất cả các phong trào đấu tranh đòi quyền độc lập, tự do đều bị thất bại. Trong những năm tháng bôn ba tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tìm hiểu, nghiên cứu những gì ẩn dấu đằng sau lý tưởng “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, tìm hiểu Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1789 của Đại cách mạng Pháp, Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ và cũng tiếp nhận những giá trị về quyền tự do của những bản Tuyên ngôn này. Thành công của Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 đã có ảnh hưởng lớn đối với nhận thức của Hồ Chí Minh về quyền tự do của dân tộc và nhân dân, Người khẳng định: Việt Nam muốn có độc lập, tự do phải đi theo con đường cách mạng Tháng Mười Nga. “Chính nhờ cuộc cách mạng này mà cơ sở của quyền tự do chân chính và quyền bình đẳng thực sự đã được đặt ra cho loài người” [3, tr. 7]. Từ đây, Hồ Chí Minh tin theo Cách mạng Tháng Mười Nga, tin theo Lênin và dưới ánh sáng lý luận cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh có

^(*) Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

được những nhận thức một cách đầy đủ về quyền tự do dân chủ.

Hồ Chí Minh cho rằng, quyền tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Người nói: “Tự do độc lập là quyền trời cho của mỗi dân tộc” [6, tr. 9] và quyền tự do là cái quyền gắn liền với chính bản thân con người “các quyền lợi gắn liền với phẩm giá con người như quyền tự do lập hội, tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại ngay cả trên đất nước của anh em” [2, tr. 138]. Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Hồ Chí Minh viết: “Chế độ bản xứ bị ổi do bọn đế quốc tư bản đặt ra, tước mất của anh chị em mọi quyền tự do cá nhân, mọi quyền lợi chính trị và xã hội, do đó, đã hạ anh chị em xuống thân phận trâu ngựa...” [3, tr. 136]. Có thể nói kể từ khi thực dân Pháp xâm lược, dân tộc Việt Nam mất đi quyền độc lập, người dân Việt Nam mất hết quyền tự do. Hồ Chí Minh viết: “Người An Nam ở trên đất nước mình mà tuyệt đối không có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, ngay cả đi lại cũng chẳng được tự do, trong nước mình mà mình cũng không được tùy ý đi lại” [3, tr. 230]. Chính vì vậy, trong *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* gửi đến Hội nghị Vécxây (Versailles) năm 1919 mà Người đã tham gia soạn thảo và ký tên với tên gọi Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến những quyền tự do tối thiểu, trước mắt đó là:

- “...3- Tự do báo chí và tự do ngôn luận;
- 4- Tự do lập hội và hội họp;
- 5- Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương;
- 6- Tự do học tập...” [2, tr. 414]

Quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận tức là nhân dân được tự do phát biểu ý kiến, tự do ra sách báo, tự do đọc các thứ sách báo, tự do tín ngưỡng các chủ nghĩa, các tư tưởng...

Quyền tự do lập hội và hội họp nghĩa là nhân dân được quyền tự do tổ chức các chính đảng, các công hội, nông hội, thanh niên, phụ nữ và các hội hè khác, tự do hội họp, họp mít tinh, tự do thị oai, biểu tình, tự do bãi công bãi khóa, bãi thị... để bênh vực quyền lợi của các hạng nhân dân, phản đối những sự áp bức và bóc lột.

Quyền tự do đi lại tức là nhân dân có quyền tự do đi lại trong xứ, không cần giấy má gì, muốn ở đâu thì tự do ở, tự do đi làm ăn; có quyền tự do ra nước ngoài buôn bán làm ăn, học hành, khảo sát

tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa... để nâng cao trình độ văn minh cho nhân dân.

Quyền tự do học tập tức là quyền được học lấy những điều mình ham muốn, văn học, khoa học, tâm lý học, triết học...

Tháng 5/1941, sau khi về nước, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ Tám, Hồ Chí Minh đã thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Tuyên ngôn và Chương trình của Việt Minh đã cụ thể hóa mục tiêu về quyền tự do, từng được nêu trong Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình và Điều lệ tóm tắt của Đảng. Tôn chỉ mục đích của Việt Minh ghi rõ: “Việt Minh liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân Việt Nam, không phân biệt giới tính, tôn giáo, tín ngưỡng, xu hướng, đảng phái chính trị, giai cấp, dân tộc... để đánh Pháp, đuổi Nhật cốt thực hiện hai điều mà toàn thể đồng bào đang mong ước: Làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do” [1, tr. 470]. Chính sách của Mặt trận Việt Minh được công bố sau khi thành lập đã nhấn mạnh đến các vấn đề về bảo đảm các quyền cơ bản của mọi tầng lớp nhân dân. Mặt trận Việt Minh không chỉ quan tâm đến quyền lợi của những ai trực tiếp tham gia vào cuộc vận động cứu nước, mà còn chú ý tới các quyền tự do dân chủ cơ bản, có tính chất phổ biến trong đời sống xã hội. Đó là tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, phổ thông đầu phiếu, tự do kinh doanh, tự do thông thương; dân chúng được tự do khai khẩn đất hoang, các dân tộc được dùng tiếng mẹ đẻ trong giáo dục; trí thức được khuyến khích phát triển tài năng; công nhân được hưởng luật lao động, ngày làm 8 giờ, được cứu tế thất nghiệp, bảo hiểm xã hội; nông dân có ruộng đất cày cấy, phụ nữ được bình đẳng, người già và nhi đồng được chăm nom...

Với những nhận thức của mình về quyền tự do dân chủ của con người, Hồ Chí Minh đã xây dựng nên tư tưởng và trực tiếp lãnh đạo, chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam chống lại kẻ thù xâm lược để giành lại quyền độc lập cho Tổ quốc, đòi lại quyền tự do dân chủ cho nhân dân. Cách mạng Tháng Tám thành công đã mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc - kỷ nguyên độc lập tự do, mang lại cho người dân Việt Nam một cuộc sống tự do thật sự, người dân được làm chủ cuộc sống của mình.

3. Hiến pháp 1946 và sự hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền tự do dân chủ

3.1. Sơ lược về sự ra đời của Hiến pháp 1946

Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ công bố bản Tuyên ngôn độc lập, long trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” [5, tr. 1] và “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi” [5, tr. 1]. Việt Nam là một nước ngàn năm văn hiến, nhân dân Việt Nam có ý chí độc lập và khát vọng tự do, đã anh dũng đấu tranh, nổi dậy giành chính quyền từ tay Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít, dân tộc đó phải được tự do, phải được độc lập. Vì lẽ đó: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy” [5, tr. 3].

Vận mệnh độc lập, tự do của dân tộc vừa mới giành lại được đang đứng trước tình thế ngàn cân treo sợi tóc. Nhiệm vụ cấp bách của dân tộc Việt Nam lúc này là phải củng cố chính quyền cách mạng, chính thức xác lập quyền hợp hiến; chống thực dân Pháp xâm lược; bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân.

Ngày 3/9/1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đề ra sáu nhiệm vụ cấp bách, trong đó có nhiệm vụ xây dựng tổ chức nhà nước, tổ chức tổng tuyển cử bầu Quốc hội để ấn định cho Việt Nam một Hiến pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị với Chính phủ: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do, dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống...” [5, tr. 7]. Lời đề nghị của Người có ý nghĩa như một tuyên bố lập hiến của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Ngày 26/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 39/SL thành lập Ủy ban dự thảo thể lệ tổng tuyển cử và ngày 17/10/1945 ký Sắc lệnh số 51/SL quy định tổng tuyển cử bằng cách phổ thông đầu phiếu... Đây là những văn bản pháp lý quan trọng về quyền dân chủ của công dân tự mình lựa chọn, bầu những đại diện làm chủ của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà. Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó. Vì lẽ đó, cho nên Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng; tức là dân chủ, đoàn kết” [5, tr. 153].

Ngày 6/1/1946, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội lập hiến đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã diễn ra thắng lợi trong toàn quốc.

Cùng với việc đẩy mạnh cuộc vận động, tổ chức tổng tuyển cử, ngày 20/9/1945, Chính phủ đã ban hành Sắc lệnh số 34/SL lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp gồm có 7 người do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu cùng với Vĩnh Thụy, Đặng Thai Mai, Vũ Trọng Khánh, Lê Văn Hiến, Nguyễn Lương Bằng, Đặng Xuân Khu. Căn cứ vào thực tiễn của đất nước, tham khảo Hiến pháp của một số nước Âu - Mỹ, Ủy ban đã khẩn trương soạn thảo trong thời gian hơn một tháng và đệ trình để Chính phủ thảo luận, góp ý, sửa chữa, hoàn chỉnh bản dự thảo.

Bản dự thảo Hiến pháp được soạn thảo ngắn gọn, súc tích đã nêu rõ tính chất dân tộc và dân chủ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, một nhà nước của dân tộc, do dân tộc và vì dân tộc; một nhà nước dân tộc thống nhất, quyền bính trong nước thuộc về nhân dân với cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội và cơ quan hành chính cao nhất là Chính phủ; quyền hạn của Chính phủ tập trung vào Chủ tịch nước; về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân...

Ngày 10/11/1945 bản Dự án Hiến pháp đã được công bố trên báo Cứu quốc và gửi về tận các làng xã để nhân dân bàn thảo, bổ sung. Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến thiết quốc gia được

thành lập ngày 31/12/1945 theo Sắc lệnh số 78/SL có 50 thành viên là những nhân sĩ, trí thức cũng đã soạn thảo một Dự án Hiến pháp đệ trình với Chính phủ. Đây là một đóng góp tích cực của các nhân sĩ, trí thức đối với nhiệm vụ chuẩn bị xây dựng Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 2/3/1946, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội đã được khai mạc, Quốc hội đã công nhận.

Chính phủ liên hiệp kháng chiến đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh do Quốc hội - cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân Việt Nam, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất công nhận là một chính phủ chính thức, hợp pháp. Quốc hội “trao quyền bính cho chính quyền ấy”, thực hiện triệt để nhiệm vụ thống nhất các lực lượng của quốc dân về phương diện quân sự, tuyên truyền cũng như về phương diện hành chính, tư pháp, tổng động viên nhân lực và tài sản của quốc gia theo nhu cầu của tình thế, để đưa kháng chiến đến thắng lợi, nước nhà đến độc lập hoàn toàn. Chính phủ liên hiệp kháng chiến phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội và toàn thể quốc dân.

Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử (6/1/1946) và kỳ họp thứ nhất của Quốc hội (2/3/1946) là một bước phát triển về thể chế dân chủ của nước Việt Nam mới; một nhà nước pháp quyền của dân tộc, do dân tộc và vì dân tộc. Chính phủ có đầy đủ uy tín và hiệu lực pháp lý để điều hành đất nước, đã triển khai mọi hoạt động trên tất cả các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, giáo dục, văn hoá, xã hội vì lợi ích tối cao của toàn dân tộc là độc lập, tự do, sớm mang lại hạnh phúc thực tế cho mọi người dân trong điều kiện đất nước đang gặp muôn vàn khó khăn. Đó là một kỳ tích của chế độ dân chủ cộng hoà Việt Nam, là sức mạnh để giữ vững chính quyền cách mạng, để kháng chiến và kiến quốc.

Chính trong bối cảnh đó, kỳ họp thứ hai của Quốc hội đã họp ở Hà Nội từ 28/10 đến 9/11/1946. Đây là một kỳ họp dài ngày, diễn ra sôi nổi, thảo luận dân chủ, thẳng thắn, có khi gay go song cuối cùng đã đi đến thống nhất. Đúng như lời tổng kết của cụ Tôn Đức Thắng, Trưởng đoàn Chủ tịch kỳ họp của Quốc hội đã nói: “Nếu ai có thành kiến của giai cấp, của đảng phái, của tôn giáo, thì vào đến trong phòng họp này, chúng ta cũng đã để lòng nghe theo một tiếng gọi cao cả và thiêng liêng hơn cả bấy nhiêu tiếng gọi lúc thường: tiếng gọi của Tổ

quốc. Cái không khí ấy đã hoàn toàn phản chiếu được tình trạng của đất nước, tình trạng thống nhất ý chí và hành động” [8, tr. 123].

Tại kỳ họp này, Quốc hội đã thảo luận nhiều vấn đề quan trọng như bản Dự án Luật Lao động... Và đặc biệt là căn cứ vào bản Dự án Hiến pháp của Chính phủ và bản Dự thảo Hiến pháp của Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến thiết quốc gia của Chính phủ, tập hợp những kiến nghị của nhân dân, đồng thời tham khảo hiến pháp của một số nước Âu, Mỹ, Tiểu ban dự thảo Hiến pháp của Quốc hội đã soạn thảo xong Dự án Hiến pháp đệ trình Quốc hội. Qua nhiều buổi thảo luận và tranh cãi sôi nổi để bổ sung sửa đổi từng điều cụ thể, ngày 9/11/1946, Quốc hội đã nhất trí thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với 240 đại biểu trên tổng số 242 đại biểu có mặt (hai đại biểu không tán thành là Nguyễn Sơn Hà và Phạm Gia Đổ). Toàn thể đại biểu Quốc hội đều đứng lên nghiêm trang chào cờ đỏ sao vàng, ngọn cờ thiêng liêng của Tổ quốc và đồng thanh hát bài “Tiến quân ca”, Quốc ca của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã được chính thức ghi trong Điều 3 của Hiến pháp.

Bản Hiến pháp được Quốc hội thông qua và Quốc hội cũng đã quyết định không đưa Hiến pháp ra trưng cầu ý kiến của nhân dân nữa. Bản Hiến pháp đã trở thành chính thức có hiệu lực từ ngày 9/11/1946. Song do cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đang lan rộng, nguy cơ bùng nổ cuộc chiến tranh trong toàn quốc ngày càng đến gần, nên chưa ban hành Hiến pháp bằng một Sắc lệnh và chưa thi hành Hiến pháp ngay lúc bấy giờ. Việc bầu ra Nghị viện nhân dân theo quy định của Hiến pháp chưa thể tổ chức ngay được.

Quốc hội đã quyết định giao cho Ban Thường trực Quốc hội nhiệm vụ phải giúp ý kiến và phê bình Chính phủ, cùng với Chính phủ quy định việc thi hành Hiến pháp. Chính phủ phải dựa vào những nguyên tắc đã định trong Hiến pháp để ban hành các đạo luật... Với các quyết định trên, Quốc hội phải tiếp tục hoạt động, gánh vác trách nhiệm mới, làm nhiệm vụ lập hiến và lập pháp.

3.2. Quyền tự do dân chủ được hiện thực hoá trong Hiến pháp 1946

Có thể nói rằng, Hiến pháp năm 1946 là Bản Hiến pháp đầu tiên cụ thể hóa các quyền cơ bản của con người, nội dung của Hiến pháp được xuyên

suốt bởi quan điểm đã được ghi ở Điều 1: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”.

Hiến pháp năm 1946 thực sự là công cụ đặc biệt quan trọng và có hiệu lực nhất để bảo vệ nền độc lập dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng và thực hiện quyền của nhân dân. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam, các quyền tự do dân chủ của con người được đạo luật cơ bản ghi nhận và bảo đảm. Cũng lần đầu tiên người dân lao động Việt Nam được xác nhận có tư cách công dân của một nước độc lập có chủ quyền. Nội dung của quyền và nghĩa vụ pháp lý cơ bản của công dân nhằm mục tiêu bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ. Ba nguyên tắc xây dựng Hiến pháp 1946 là đoàn kết toàn dân, đảm bảo các quyền tự do dân chủ và thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân. Trong số 7 chương thì chương về “nghĩa vụ và quyền lợi của công dân” được xếp thứ 2, gồm 18 điều. Trong đó có 16 điều trực tiếp quy định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam. Hiến pháp đặt nghĩa vụ trước quyền lợi. Chương II quy định các quyền tự do dân chủ của công dân trong các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội và tự do cá nhân. Chính vì vậy, Hiến pháp đã quy định: “Tất cả mọi công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hoá” (Điều 6), “đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình” (Điều 7); “những quốc dân thiếu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung” (Điều 8); “đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện” (Điều 9). Để bảo đảm quyền lực nhà nước là của toàn dân tộc, Hiến pháp quy định chế độ bầu cử là phổ thông đầu phiếu và bỏ phiếu phải được tự do, trực tiếp và kín (Điều 17). Tất cả mọi công dân Việt Nam, từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, đều có quyền bầu cử, trừ những người mất trí và những người mất công quyền (Điều 18). Nhân dân có quyền bãi miễn các đại biểu mình bầu ra (Điều 20); có quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia (Điều 21).

Về quyền tự do, Hiến pháp thừa nhận công dân

Việt Nam đều có quyền: tự do ngôn luận; tự do xuất bản; tự do tổ chức và hội họp; tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra ngoài nước (Điều 10). Khi chưa có quyết định của tư pháp thì không được bắt bớ và giam cầm công dân Việt Nam. Nhà ở và thư tín của công dân Việt Nam không ai được xâm phạm một cách trái pháp luật (Điều 11).

Về kinh tế, quyền tư hữu tài sản của công dân Việt Nam được bảo đảm (Điều 12). Quyền lợi các giới cần lao trí thức và chân tay được bảo đảm (Điều 13). Những công dân già cả hoặc tàn tật không làm được việc thì được giúp đỡ. Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dục (Điều 14).

Về giáo dục, nền sơ học cưỡng bách và không học phí. Ở các trường sơ học địa phương, quốc dân thiếu số có quyền học bằng tiếng của mình. Học trò nghèo được Chính phủ giúp. Trường tư được mở tự do và phải dạy theo chương trình nhà nước (Điều 15).

Quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân chỉ có thể được thực hiện khi có một bộ máy nhà nước vững mạnh, thật sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Do đó, Hiến pháp 1946 dành các chương còn lại quy định cơ cấu bộ máy nhà nước nhằm xác định trách nhiệm đảm bảo quyền và nghĩa vụ công dân.

Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Nghị viện nhân dân, do “công dân Việt Nam bầu ra ba năm một lần” (Điều 24), có nhiệm vụ giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra pháp luật, biểu quyết ngân sách, chuẩn y các Hiệp ước mà Chính phủ ký kết với nước ngoài” (Điều 23). Nghị viện không chỉ “thay mặt cho địa phương mình mà còn thay mặt cho toàn thể nhân dân” (Điều 25). Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân trực tiếp bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân (Điều 58), có nhiệm vụ chỉ đạo Ủy ban hành chính quản lý mọi mặt ở địa phương. Đại biểu Hội đồng nhân dân có thể bị bãi nhiệm nếu không còn tín nhiệm đối với cử tri (Điều 61).

Các cơ quan hành chính nhà nước gồm Chính phủ và Ủy ban hành chính các cấp, có nhiệm vụ trực tiếp quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội trên cơ sở các đạo luật.

Cơ quan tư pháp là Tòa án nhân dân có chức năng bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Hiến pháp năm 1946 cũng quy

định những nguyên tắc cơ bản của hoạt động tư pháp như: công khai (điều 65), có Hội thẩm nhân dân tham gia (Điều 65), bị cáo có quyền bào chữa hoặc nhờ luật sư bào chữa (Điều 67), chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử (Điều 69),... thực hành quyền tố cáo trước tòa án.

4. Giá trị của Hiến pháp năm 1946 đối với cách mạng Việt Nam

Hiến pháp 1946 - Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước Việt Nam là một Hiến pháp dân tộc, dân chủ phản ánh rõ thắng lợi của cách mạng Việt Nam và phù hợp với những giá trị dân chủ, nhân văn của thời đại mới mang đậm dấu ấn Việt Nam.

Điều nổi bật hàng đầu của Hiến pháp là ngoài việc khẳng định quyền dân tộc độc lập, chủ quyền, thống nhất lãnh thổ của nước Việt Nam. Bản Hiến pháp còn khẳng định độc lập dân tộc và tự do của nhân dân là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm, là sản phẩm của lịch sử đấu tranh oanh liệt của dân tộc Việt Nam mang tính pháp quyền của nhân loại như tư tưởng về quyền của các dân tộc đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra trong “Tuyên ngôn Độc lập” ngày 2/9/1945. Chính đó là động lực vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do và quyết tâm đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy.

Hiến pháp đã quy định về thể chế dân chủ cộng hoà, một chế độ trong đó quyền lực thuộc về nhân dân, đảm bảo quyền bình đẳng, tự do dân chủ cho mọi công dân không phân biệt nam nữ, tôn giáo, ưu đãi với đồng bào các dân tộc thiểu số... Tính chất ưu việt của chế độ mới không chỉ ghi trong các sắc lệnh và Hiến pháp mà sớm được thực thi trong thực tế ngay trong năm đầu của chế độ dân chủ cộng hoà trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, tài chính, văn hoá, giáo dục... Mọi hoạt động của Chính phủ đều nhằm vào lợi ích tối cao của dân tộc là độc lập, tự do, sớm mang lại hạnh phúc thực tế cho nhân dân ngay trong điều kiện đất nước đang gặp muôn vàn khó khăn. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định Chính phủ tỏ rõ một ý muốn duy nhất làm sao đem lại cho dân chúng được hưởng tự do độc lập như muôn vật được hưởng ánh sáng mặt trời. Điều đó thể hiện rõ rệt bản chất ưu việt của chế độ dân chủ tự do, chế độ dân chủ cộng hoà dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, tạo nên sức mạnh của dân

tộc để bảo vệ độc lập, tự do, quyết tâm xây dựng một Tổ quốc Việt Nam độc lập, tự do, mọi người ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành trên con đường tiến lên thực hiện mục tiêu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, cùng nhịp với trào lưu tiến bộ của thời đại. Quyền dân tộc gắn liền với quyền dân chủ, tự do, công bằng xã hội là một động lực lớn của sự phát triển đất nước, có giá trị trường tồn.

Xây dựng chế định về vai trò các tổ chức trong hệ thống chính trị của nền dân chủ cộng hoà Việt Nam được ghi trong Hiến pháp 1946 đã sớm được thực thi trước và sau khi có Hiến pháp, là một nét rất đặc sắc của thể chế chính trị dân tộc dân chủ Việt Nam - thể chế dân chủ cộng hoà do Đảng Cộng sản là đảng cầm quyền thông qua Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc dựa trên sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc được tập hợp trong các hội quần chúng, trong Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Sự kết hợp chặt chẽ và phát huy đúng vai trò, quyền hạn của từng tổ chức đó được tập trung thống nhất, có ý nghĩa quyết định đối với việc phát huy sức mạnh của dân tộc, của chế độ mới để thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc, đảm bảo mọi quyền tự do dân chủ của người dân. Đúng như sự khẳng định của Hồ Chí Minh “Hiến pháp năm 1946 là Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà... dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do... phụ nữ Việt Nam đã được ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền cá nhân của công dân...” [5, tr. 440].

5. Kết luận

Có thể nói rằng, tư tưởng, nguyên tắc, nội dung cơ bản của Hiến pháp 1946 in đậm dấu ấn tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền tự do dân chủ, về một nhà nước pháp quyền của dân tộc, do dân tộc, vì dân tộc và phù hợp với xu thế phát triển tiến bộ của thời đại. Và cũng có thể khẳng định rằng, những giá trị căn bản về quyền tự do dân chủ, nhất là quyền dành cho những người yếu thế trong xã hội, cũng như xác lập rất nhiều quyền lợi liên quan đến sự phát triển nhân cách của con người theo các giá trị chân-thiện-mỹ, đã góp phần làm nên những giá trị tư tưởng, văn hóa sâu sắc của bản Hiến pháp 1946. Các quyền tự do dân chủ, công bằng xã hội được ghi trong Hiến pháp đầu tiên cách đây 70 năm vẫn

còn giá trị bền vững trên con đường xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, xã hội công bằng, văn minh. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Luật học Phạm Duy Nghĩa - Đại học Quốc gia Hà Nội đã nhận định: Hiến pháp năm 1946 là “bản hiến văn dân chủ vào loại bậc nhất Đông Nam Á lúc bấy giờ”

và “chứa đựng những tư tưởng dân chủ hơn hẳn hệ thống luật pháp của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa”; theo ông Hiến pháp năm 1946 vẫn phù hợp với hoàn cảnh hiện tại của Việt Nam và “vẫn còn nguyên giá trị cho một xã hội dân chủ pháp quyền ở Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đảng cộng sản Việt Nam (1998), *Văn Kiện Đảng toàn tập*, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [3]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [4]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 3, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [5]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 4, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [6]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 5, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [7]. Hoàng Phúc (biên dịch), RenêMôbolăng (1955), *Chủ nghĩa Mác và quyền tự do*, NXB Nhân dân lao động, Hà Nội.
- [8]. Văn kiện Quốc hội: *Toàn tập*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

1946 CONSTITUTION - REALIZING DEMOCRATIC-FREEDOM RIGHTS

FOLLOWING HO CHI MINH'S THOUGHTS

Summary

On 9th November 1946, National Assembly passed the first Constitution of Vietnam Republic Democratic. This Constitution devoted special attention to ensuring basic human rights regardless of race, social class, religion, affluence, gender, etc. and that everyone is equal of rights and duties by law. This paper aims to analyze Ho Chi Minh's thoughts on the democratic-freedom rights and how they are implemented in the 1946 Constitution; thereby it draws out relevant values for developing the country in the current period.

Keywords: 1946 Constitution, Ho Chi Minh, democratic-freedom rights.

Ngày nhận bài: 16/5/2016; Ngày nhận lại: 3/6/2016; Ngày duyệt đăng: 9/12/2016.